

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18-10-2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Ân.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 18 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 140/2019/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị S, sinh năm 1985 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn B, sinh năm 1980 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm X, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 06 tháng 05 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị S trình bày: Vào năm 2001, bà và ông Huỳnh Văn B chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Trong thời gian chung sống vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, thường hay cự cãi, bất đồng quan điểm. Bà và ông Huỳnh Văn B không còn sống chung từ năm 2015. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên bà yêu cầu ly hôn ông Huỳnh Văn B. Về con chung, có ba người tên là Huỳnh Văn A, sinh ngày 09 tháng 5

năm 2003; Huỳnh Thị Mỹ T, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2005 và Huỳnh Chí N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2010, hiện đang do bà nuôi dưỡng. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cả ba người con chung. Bà yêu cầu ông Huỳnh Văn B cấp dưỡng nuôi Huỳnh Chí N với mức cấp dưỡng là 745.000 đồng/01 tháng, cấp hàng tháng. Tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết.

- Tại biên bản hòa giải ngày 11 tháng 9 năm 2019 và tại phiên tòa bị đơn ông Huỳnh Văn B trình bày: Ông thừa nhận lời trình bày của bà Trần Thị S về thời gian xác lập quan hệ vợ chồng, việc không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền cũng như mâu thuẫn giữa vợ chồng và thời gian không còn sống chung là đúng. Nay bà Trần Thị S yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý. Về con chung, có ba người tên là Huỳnh Văn A; Huỳnh Thị Mỹ T và Huỳnh Chí N đúng như bà Trần Thị S trình bày. Ông đồng ý giao ba người con chung cho bà Trần Thị S nuôi dưỡng. Tại phiên tòa ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì cho rằng hiện nay ông không có thu nhập ổn định và đang bị bệnh nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có nên không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị S yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Huỳnh Văn B, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung. Do đó, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” nên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau. Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân : Bà Trần Thị S và ông Huỳnh Văn B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2001 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa bà S và ông B không được pháp luật thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị S và ông Huỳnh Văn B.

[3] Về quyền nuôi con chung: Trong quá trình chung sống bà S và ông B có ba người con chung tên Huỳnh Văn A, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2003; Huỳnh Thị Mỹ T, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2005 và Huỳnh Chí N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2010, con chung do bà S đang trực tiếp nuôi dưỡng. Bà S yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng ba người con chung. Tại phiên tòa ông B đồng ý giao con chung cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy sự thỏa thuận giữa bà S và ông B là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật và phù hợp với nguyện vọng của những người con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà S và ông B, giao ba người con chung tên Huỳnh Văn A, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2003; Huỳnh Thị Mỹ T, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2005 và Huỳnh Chí N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2010 cho bà S trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên tòa bà S yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi người con chung tên Huỳnh Chí N, cấp dưỡng mỗi tháng 745.000 đồng, cấp dưỡng hàng tháng. Ông B không đồng ý cấp dưỡng vì cho rằng hiện nay ông đang bệnh và không có nghề nghiệp để thu nhập ổn định nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con. Tại khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “*cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*”. Áp dụng điều luật đã diện dẫn thì bà S yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà S, buộc ông B cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Chí N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2010 mỗi tháng 745.000 đồng, cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm đến khi người con chung đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung, nợ chung bà Trần Thị S và ông Huỳnh Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm bà S phải chịu 300.000 đồng, bà S đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng được chuyển thu án phí. Án phí dân sự sơ thẩm ông B phải nộp 300.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9; Điều 14; Điều 15; Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Điều 110; Điều 116 và Điều 117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 và Điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị S và ông Huỳnh Văn B.

- Về quyền nuôi con chung: Giao ba người con chung tên Huỳnh Văn A, sinh ngày 09 tháng 5 năm 2003; Huỳnh Thị Mỹ T, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2005 và Huỳnh Chí N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2010 cho bà Trần Thị S trực tiếp nuôi dưỡng. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Buộc ông Huỳnh Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Huỳnh Chí N, sinh ngày 01 tháng 01 năm 2010 mỗi tháng 745.000 đồng (bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng), cấp dưỡng định kỳ hàng tháng,

thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 18 tháng 10 năm 2019) cho đến khi người con chung thành niên (đủ 18 tuổi).

- Về án phí: Bà Trần Thị S phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0019156 ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân; bà S đã nộp đủ án phí. Buộc ông Huỳnh Văn B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Thi hành án huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Việt Triều